TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** TỈNH Đ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:**97**/2021/HS-ST
Ngày 22-12-2021.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Cảnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Hg Duy Thanh.

2. Bà Bùi Thị Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Ông Đinh Văn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2021, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 95/2021/TLST-HS, ngày 11 tháng 11 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2021/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 12 năm 2021, đối với:

1. Bị cáo: Họ và tên **Đặng Ngọc T**.

Giới tính: Nam; Tên gọi khác: không;

Sinh ngày 28 tháng 3 năm 1989, tại tỉnh Đắk Lắk;

Nơi ĐKHKTT và nơi ở: Thôn Tiến T, xã Quảng T, huyện C, Đ;

Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 3/12. Tôn giáo: Không; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Đặng Ngọc P (đã chết); con bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1952; Bị cáo chưa có vợ, con;

Tiền sự: Không; Tiền án: 03 tiền án.

Ngày 04/9/2009, bị Tòa án nhân dân huyện Č, xử phạt 09 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản (*Bản án số 64/2009/HSST*). Ngày 22/02/2010, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù. Bị cáo chưa được xóa án tích.

Ngày 22/02/2012, bị Tòa án nhân dân huyện Č, xử phạt 03 năm 06 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản (*Bản án số 16/2012/HSST*). Ngày 12/02/2015, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù. Bị cáo chưa được xáo án tích.

Ngày 19/4/2017, bị Tòa án nhân dân huyện Č xử phạt 03 năm tù giam về tội Trộm cắp tài sản (*Bản án số 10/2017/HSST*). Ngày 23/8/2019, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù. Bị cáo chưa được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 12/8/2021 cho đến nay. Hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ – Có mặt tại phiên tòa

2. Người bị hại:

2.1/ Ông Hồ Tất H, sinh năm 1991 - Có mặt

Trú tại: 07 Phan Đình Giót, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đ.

2.2/ Ông Phạm Văn H, sinh năm 1987 – Vắng mặt

Trú tại: Thôn Tiến Cường, xã Q, huyện C, tỉnh Đ.
2.3/ Ông Đậu Văn D, sinh năm 1978 – Có mặt
Trú tại: Thôn 1, xã E, huyện C, tỉnh Đ.
2.4/ Ông Trần Ngọc T, sinh năm 1979 - Vắng mặt
Trú tại: 504 Hùng Vương, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đ.
2.5/ Bà Trần Thị H, sinh năm 1975 - Vắng mặt
Trú tại: Tổ dân phố 4, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đ.
2.6/ Bà Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1994 – Có đơn xin vắng mặt
Trú tại: Thôn Tân Lập, xã E, huyện C, tỉnh Đ.
2.7/ Ông Lê Văn T, sinh năm 1962 – Có mặt
Trú tại: Thôn Tân Lập, xã E, huyện C, tỉnh Đ.
2.8/ Bà Trần Thị Hương T, sinh năm 1996 – Vắng mặt
Trú tại: Thôn 1, xã Ea K, huyện C, tỉnh Đ.
2.9/ Ông Nguyễn Hồng P, sinh năm 1956 – Vắng mặt
Trú tại: Tổ dân phố 2, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đ.
2.10/ Ông Lê Anh D, sinh năm 1990 - Vắng mặt
Trú tại: Tổ dân phố 2, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đ.
2.11/ Ông Trần Văn T, sinh năm 1982 – Vắng mặt
Trú tại: 31/17 Trần Hưng Đạo, phường 6, Tp. T, tỉnh P.

3. ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*****:**

3.1/ Ông Lê Quang V, sinh năm 1977 - Vắng mặt
Trú tại: 53 Lý Tự Trọng, P. Tân An, Tp. B, tỉnh Đ.
3.2/ Ông Đặng Thanh H, sinh năm 1978 - Vắng mặt
Trú tại: Buôn Đũng, xã C, Tp. B, tỉnh Đ.
3.3/ Ông Lý Ngọc T, sinh năm 1983 - Vắng mặt
Trú tại: Tổ dân phố 1, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đặng Ngọc T là người không có nghề nghiệp, để có tiền tiêu xài cá nhân, trong khoảng thời gian từ ngày 12 tháng 12 năm 2020 đến ngày 10 tháng 8 năm 2021, Đặng Ngọc T đã thực hiện 10 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Cư M'gar, cụ thể như sau:

Vụ thứ 1: Khoảng 01 giờ, ngày 12/12/2020, T phát hiện nhà ông Hồ Tất H, tại số nhà 07, đường Phan Đình Giót, tổ dân phố 8, thị trấn Q, huyện Č, không khóa cổng nên T mở cổng đi vào rồi vòng ra phía sau. Do cửa sau không khóa, T mở cửa đi vào lấy 01 điện thoại di động, nhãn hiệu SAMSUNG A10S trên tủ lạnh ở phòng bếp rồi tiếp tục vào phòng ngủ lấy 01 điện thoại di động, nhãn hiệu VSMART JOY 4 đang xạc pin trên đầu giường. Sau đó, T đi ra ngoài sân thì nhìn thấy 01 xe mô tô biển số 47S1-068.24 có sẵn chìa khóa. T dắt xe ra ngoài đường rồi đi đến khu vực chợ Tân An, thành phố B bán 02 chiếc điện thoại đã trộm cắp cho một người đàn ông (không rõ nhân thân, lai lịch) được số tiền 2.300.000 đồng, còn chiếc xe mô tô biển số 47S1-068.24 T cất dấu tại rẫy cà phê của gia đình ông Y T, tại buôn S, xã C, huyện Č. Sau khi bị mất tài sản, ông Hồ Tất H đã tìm được xe mô tô biển số 47S1-068.24 của mình. Ngày 11/8/2021, anh H trình báo vụ việc cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, để phục vụ công tác điều tra.

Tại Kết luận định giá tài sản số 65/KL-HĐĐGTS ngày 22/8/2021, kết luận: 01 điện thoại SAMSUNG A10S, trị giá 1.500.000 đồng, 01 điện thoại VSMART JOY4, trị giá 1.500.000 đồng, 01 xe mô tô biển số 47S1-068.24, trị giá 8.600.000 đồng.

Vụ thứ 2: Khoảng 01 giờ, ngày 16/5/2021, T đột nhập vào nhà ông Phạm Văn H, tại thôn T, xã Q, huyện Č để trộm cắp tài sản. Do cửa bên hông nhà ông Hoàng không khóa, T đi vào trong và vào phòng ngủ lấy 01 điện thoại di động hiệu IPHONE 6, cùng số tiền 1.800.000 đồng trong ví của ông H để trên đầu giường. Sau đó, T thuê xe ôm đi đến khu vực chợ Tân An, thành phố B, bán chiếc điện thoại trên cho một người đàn ông (không rõ nhân thân, lai lịch) được số tiền 1.000.000 đồng.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 65/KL-HĐĐGTS ngày 22/8/2021, kết luận: 01 điện thoại di động hiệu IPHONE 6, trị giá 1.400.000 đồng.

Vụ thứ 3: Khoảng 01 giờ, ngày 20/5/2021, T đột nhập vào nhà ông Đậu Văn D, tại thôn 1, xã Ea K, huyện Č, lấy trộm 01 điện thoại di động hiệu OPPO F9 trong phòng ngủ của nhà ông Dũng, rồi qua phòng ngủ tiếp theo lấy 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG J7 Prime cùng số tiền 400.000 đồng trong ví của ông Dũng để trên đầu giường. Sau đó, T đi ra sân thì nhìn thấy có chiếc xe mô tô biển số 47R3-6440 có sẵn chìa khóa trên xe. T dắt xe ra đường rồi điều khiển xe đến khu vực chợ Tân An, thành phố B bán 01 chiếc điện thoại OPPO F9 cho ông Lê Quang V, chủ cửa hàng điện thoại di động "Tường Vi", địa chỉ tại số 53 Lý Tự Trọng, phường T, thành phố B, được số tiền 2.000.000 đồng. Còn chiếc điện thoại SAMSUNG J7 Prime, T bán cho một người đàn ông (không rõ nhân thân, lai lịch) được số tiền 1.000.000 đồng. Chiếc xe mô tô biển số 47R3-6440, T điều khiển đến rẫy cà phê của ông Đặng Ngọc N, thuộc tổ dân phố 7, thị trấn Q, huyện Č cất giấu. Sau khi bị mất tài sản, ông Đậu Văn D đã tìm được xe mô tô biển số 47R3-6440 của mình. Ngày 11/8/2021, ông Dũng trình báo vụ việc đến Cơ quan Công an, đồng thời giao nộp xe mô tô biển số 47R3-6440 để phục vụ công tác điều tra.

Tại Kết luận định giá tài sản số 65/KL-HĐĐGTS ngày 22/8/2021, kết luận: 01 điện thoại di động OPPO F9, trị giá 1.700.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG J7 Prime, có trị giá 1.200.000 đồng, 01 xe mô tô biển số 47R3-6440 trị giá 6.500.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 9.400.000 đồng.

Vụ thứ 4: Khoảng 01 giờ, ngày 20/6/2021, T đột nhập vào nhà ông Trần Ngọc T, tại số nhà 504, đường Hùng Vương, tổ dân phố 8, thị trấn Q, huyện Č. Do cửa sổ không khóa, T trèo vào bên trong lấy 01 điện thoại di động IPHONE 6 để ở cửa sổ, 01 điện thoại di động hiệu IPHONE 7 Plus ở phòng ngủ tầng trệt và số tiền 400.000 đồng trong ví của ông Tuấn để ở bức ngăn giữa phòng khách với phòng bếp. T tiếp tục đi lên gác rồi vào phòng ngủ của ông T lấy 01 điện thoại di động hiệu XIAOMI đang xạc pin trên đầu giường. Sau đó, T đi về nhà nghỉ 047, thuộc tổ dân phố 7, thị trấn Q, huyện Č để ngủ. Đến sáng cùng ngày, T thuê xe ôm chở đến khu vực chợ Tân An, thành phố B bán 03 chiếc điện thoại trên cho một người đàn ông (không rõ nhân thân, lai lich) được số tiền 1.100.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 65/KL-HĐĐGTS ngày 22/8/2021, kết luận: 01 điện thoại di động IPHONE 6 trị giá 1.400.000 đồng, 01 điện thoại di động IPHONE 7Plus trị giá 3.800.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu XIAOMI trị giá 1.200.000 đồng. Tổng trị giá tài sản là 6.400.000 đồng.

Vụ thứ 5: Khoảng 01 giờ, ngày 28/6/2021, T đi đến nhà bà Trần Thị H, tại tổ dân phố 4, thị trấn Q, huyện Č, thì phát hiện thấy có 01 xe mô tô biển số 47K4-1235 để ở sân. T đi vào dắt xe ra đường rồi điều khiển xe đi tìm tài sản để trộm cắp nhưng không trộm cắp được gì. Sau đó, T sử dụng chiếc xe này làm phương tiện để đi trộm cắp tài sản. Ngày 11/8/2021, bà Trần Thị H đã trình báo Cơ quan Công an.

Tại Kết luận định giá tài sản số 65/KL-HĐĐGTS ngày 22/8/2021, kết luận: 01 xe mô tô biển số 47K4-1235, số máy C150FMG00004208, số khung DCG013HH004208 trị giá 2.000.000 đồng.

Vụ thứ 6: Khoảng 01 giờ, ngày 17/7/2021, Đặng Ngọc T đi bộ từ nhà nghỉ 047, thị trấn Quảng Phú, huyện Cư M'gar qua nhà bà Nguyễn Thị Phương T, tại thôn Tân Lập, xã Ea Kpam, huyện Č, thấy nhà bà Thảo có rạp đám cưới, cổng nhà mở, không khóa. T đi vào nhà bà Thảo qua cửa hông rồi vào phòng ngủ của bà Thảo lấy 01 điện thoại di động hiệu IPHONE XSMAX, 01 điện thoại di động hiệu XIAOMI trên kệ để dép, 01 nhẫn Ranit (5C) – Loại vàng 14KW – Đính đá chính CZ 5.4mm – Đá phụ kim cương và số tiền 600.000 đồng trên bàn trang điểm. Sau đó, T xuống bếp lấy 01 điện thoại di động hiệu OPPO F1S đang cắm xạc rồi đi ra ngoài theo lối cửa chính.

Vụ thứ 7: Sau khi trộm cắp được 03 điện thoại và 01 chiếc nhẫn và 600.000 đồng của bà Nguyễn Thị Phương T, T tiếp tục đi đến nhà ông Vương Đ, tại thôn Tân Lập, xã E, huyện Č (cách nhà chị Thảo khoảng 150m) thấy không đóng cổng và cửa chính. T đi vào trong nhìn thấy ông Lê Văn T (là người làm công cho ông Đồng) đang ngủ trên phản gỗ, bên cạnh để chiếc điện thoại di động hiệu Sam Sung Galaxy A6, T lấy chiếc điện thoại này rồi đi ra khu vực cây xăng thuộc thôn 1, xã E, huyện C. Sau đó, T gọi xe taxi chở đến một nhà nghỉ (không nhớ rõ tên và địa chỉ) tại khu vực chợ Tân An, thành phố Bđể ngủ.

Sáng ngày 17/7/2021, T đi bộ đến khu vực chợ Tân An, thành phố Bbán 03 điện thoại động đã trộm cắp cho một người đàn ông (không rõ nhân thân, lai lịch) và bán 01 chiếc điện thoại di động hiệu IPHONE XSMAX cho ông Lê Quang V, trú tại số nhà 53, đường Lý Tự Trọng, phường T, thành phố B. Tổng số tiền T bán 04 điện thoại là 7.500.000 đồng. Còn chiếc nhẫn T bán cho một tiệm vàng tại thành phố B(không rõ tên và địa chỉ của tiệm vàng) được số tiền 1.150.000 đồng.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 65/KL-HĐĐGTS ngày 22/8/2021, kết luận: 01 điện thoại di động IPHONE XSMART có trị giá 9.300.000 đồng, 01 điện thoại di động XIAOMI có trị giá 1.500.000 đồng, 01 điện thoại di động OPPO F1S có trị giá 1.100.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 86/KL-HĐĐGTS ngày 12/10/2021, kết luận: 01 nhẫn Ranit (5C) – Loại vàng 14KW – Đính đá chính CZ 5.4mm – Đá phụ kim cương có trị giá 7.686.000 đồng. Tổng trị giá tài sản là 11.900.000 đồng.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 65/KL-HĐĐGTS ngày 22/8/2021, kết luận: 01 điện thoại hiệu Sam Sung Galaxy A6, có trị giá 1.300.000 đồng.

Vụ thứ 8: Khoảng 23 giờ, ngày 27/7/2021, Đặng Ngọc T điều khiển xe mô tô biển số 47K4-1235 (trộm cắp của bà Trần Thị H) đi đến xã E, huyện Č để trộm cắp tài sản. Khi đi đến nhà bà Trần Thị Hương T, tại thôn 1, xã E, huyện Č thì T phát hiện bên hông nhà chị Trang có cửa sổ. T để xe trên đường, mở cửa sổ trèo vào trong nhà thì phát hiện phòng ngủ đối diện với cửa sổ có 01 ví da màu đen để

trên quạt điện (loại quạt cây). T lấy ví da rồi trèo qua cửa sổ ra ngoài. Sau đó, kiểm tra trong ví thấy số tiền khoảng 1.500.000 đồng. T lấy tiền còn ví da thì vứt lại rồi điều khiển xe mô đi về nhà nghỉ 047 để ngủ và tiêu xài hết số tiền trên.

Vụ thứ 9: Khoảng 23 giờ, ngày 09/8/2021, Đặng Ngọc T điều khiển xe mô tô biển số 47K4-1235 (trộm cắp của bà Trần Thị H) đi đến xã Q, huyện Č, tỉnh Đ để trộm cắp tài sản. Khoảng 00 giờ 30 phút, ngày 10/8/2021, T đi đến khu vực xã Quảng Tiến, huyện Č thì phát hiện nhà rẫy của ông Nguyễn Hồng P, tại tổ dân phố 2, thị trấn Q, huyện Č, có điện sáng. T để xe ngoài đường rồi đi bộ vào vào nhà rẫy, thấy ông Phúc đang ngủ trên giường bên cạnh có chiếc điện thoại hiệu VSMART, màu đen. T lấy điện thoại mang ra để dưới yên xe rồi bỏ đi. Trên đường đi, chiếc điện thoại này bị nứt màn hình nên không bán được, T giữ lại để sử dụng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 65/KL-HĐĐGTS ngày 22/8/2021, kết luận: 01 điện thoại di động VSMART trị giá 700.000 đồng.

Vụ thứ 10: Sau khi trộm cắp tài sản của ông Nguyễn Hồng P, T điều khiển xe mô tô biển số 47K4-1235 đi tìm tài sản để trộm cắp. Khoảng 02 giờ, ngày 10/8/2021, khi đi đến khu vực trường Trung học cơ sở Lương Thế V (nơi đang trưng dụng làm khu cách ly), thuộc tổ dân phố 7, thị trấn Q, huyện Č, thì T nhìn thấy các phòng học có điện sáng. Sau khi cất giấu xe mô tô, T trèo tường vào trong khuôn viên của trường rồi đi ra phía sau dãy phòng học bên tay phải từ cổng vào. Khi đến phòng học số 3, T thấy ông Lê Anh D, tại tổ dân phố 2, thị trấn Q, huyện Č (là cán bộ y tế) đang ngủ trong phòng, trên bàn máy vi tính để 01 điện thoại di động hiệu IPHONE 6. T lấy điện thoại mang ra ngoài, do điện thoại có cài mật khẩu, sợ bị phát hiện nên T để điện thoại lại cửa sổ của phòng học cuối dãy hành lang. Khi T đi sang dãy nhà ngang 02 tầng, tại phòng học đầu T thì nhìn thấy có 01 điện thoại di động SAMSUNG A9 Pro của ông Trần Văn T (là người cách ly) để trên chậu cây cảnh gần cửa ra. T lấy điện thoại bỏ vào túi rồi trèo ra ngoài đi về nhà nghỉ 047 ngủ. Khoảng 15 giờ cùng ngày, T mang chiếc điện thoại di động hiệu SAMSUNG A9 Pro đến tiệm điện thoại Minh T của ông Võ Anh H, tại số 47, đường Cách Mạng Tháng 8, tổ dân phố 2, thị trấn Q, huyện Č để mở mật khẩu. Sau khi mở được mật khẩu, T bán điện thoại trên nhưng ông Hùng không mua nên T giữ lại để dùng. Chiều tối ngày 10/8/2021, khi T đang ở phòng số 04, nhà nghỉ 047 thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra phát hiện đưa về trụ sở làm việc và đồng thời thu giữ điện thoại SAMSUNG A9 Pro. Đối với điện thoại IPHONE 6, ông Lê Anh D tự nguyện giao nộp để phục vụ công tác điều tra.

Tại Kết luận định giá tài sản số 64/KL-HĐĐGTS ngày 12/8/2021, kết luận: 01 điện thoại IPHONE 6 trị giá 1.400.000 đồng, 01 điện thoại SAMSUNG A9 Pro trị giá 800.000 đồng. Tổng trị giá tài sản là 2.200.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt là: **59.286.000 đồng** (năm mươi chín triệu hai trăm tám mười sáu ngàn đồng).

Tại bản Cáo trạng số 97/CT-KS, ngày 10 tháng 11 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện CưM'gar đã truy tố bị cáo Đặng Ngọc T về tội "***Trộm cắp tài sản***", theo quy định tại điểm b, c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự (*BLHS*).

Áp dụng điểm b, c, g khoản 2 Điều 173, điểm s,r khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Đặng Ngọc T mức án từ **04** (Bốn) năm đến **04** (Bốn) năm **06** (Sáu) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù kể từ ngày tạm giam, ngày 12/8/2021.

Bị cáo; người bị hại không có ý kiến đối đáp tranh luận gì, chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, Quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo T tại phiên tòa hôm nay về cơ bản là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội danh truy tố, khung hình phạt và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên mức hình phạt đề nghị đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc so với mức độ, hành vi phạm tội, cũng như hậu quả mà bị cáo đã gây ra. Bị cáo chỉ chiếm đoạt số tiền ở mức khởi điểm của khung hình phạt theo quy định tại khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự với số tiền là 59.286.000 đồng.

Như vậy đã có đủ cơ sở để kết luận: Do không có nghề nghiệp, nên chỉ trong trong khoảng thời gian ngắn, từ ngày 12/12/2020 đến ngày 10/8/2021, bị cáo Đặng Ngọc T đã thực hiện 10 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện C, tỉnh Đ. Trong đó: Trộm cắp của bà Nguyễn Thị Phương T tài sản trị giá 20.186.000 đồng; của bà Hồ Tất H tài sản trị giá 11.600.000 đồng; của ông Đậu Văn D tài sản trị giá 9.400.000 đồng; của ông Trần Ngọc T tài sản trị giá 6.800.000 đồng; của bà Phạm Văn H tài sản trị giá 3.200.000 đông; của bà Trần Thị H tài sản trị giá 2.000.000 đồng; của ông Lê Văn T tài sản trị giá 1.300.000 đồng; của bà Trần Thị Hương T tài sản trị giá 1.500.000 đồng; của ông Nguyễn Hồng P tài sản trị giá 700.000 đồng; của Lê Anh D tài sản trị giá 1.400.000 đồng và của ông Trần Văn Tâm tài sản trị giá 800.000 đồng. Tổng trị giá tài sản bị cáo đã trộm cắp là **59.286.000** đồng (*Năm mươi chín triệu hai trăm tám mươi sáu ngàn đồng*).

**** Tại Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:***

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

2. Phạm tội thuộc một trong những trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

b) Có tính chất chuyên nghiệp;

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

g) Tái phạm nguy hiểm;

.....

[3] Xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo không những đã chiếm đoạt trái phép tài sản của người khác mà còn gây nên những ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, cho nên phải nhận thức được rằng, tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật quan tâm và bảo vệ, mọi hành vi chiếm đoạt trái pháp luật tài sản của người khác đều bị trừng trị nghiêm khắc. Nhưng do ý thức coi thường pháp luật, vì động cơ vụ lợi, thói lười biếng lao động, muốn được hưởng thụ trên công sức lao động của người khác, nên chỉ trong một thời gian ngắn bị cáo T đã thực hiện liên tiếp 10 vụ trộm cắp tài sản, với tổng trị giá là 59.286.000 đồng, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình.

Xét về nhân thân, trước khi phạm tội bị cáo là người có nhân thân xấu, có 03 tiền án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích; chỉ trong một thời gian ngắn bị cáo thực hiện liên tiếp 10 vụ trộm cắp tài sản, nhằm mục đích để tiêu xài cá nhân; giá trị tài sản bị cáo đã chiếm đoạt trên 50.000.000 đồng; cho nên bị cáo phải chịu 03 tình tiết định khung quy định tại điểm b, c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên sau khi phạm tội, bị cáo đã tự thú giúp cơ quan điều tra nhanh chóng làm rõ được nhiều vụ trộm cắp khác do bị cáo thực hiện; tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo. Tại phiên tòa những các bị hại đã đề nghị hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Do đó, cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s,r khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo nhằm thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật nhà nước.

Với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã nhận định nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải áp dụng cho bị cáo mức hình phạt đủ nghiêm khắc, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, có như vậy mới phát huy được tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và góp phần răn đe, phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[4] **Các biện pháp tư pháp:**

- Về xử lý vật chứng của vụ án:

Trả lại 01 điện thoại di động Iphone XsMax, màu vàng, số IMEI 353095101784869 cho bà Nguyễn Thị Phương T là chủ sở hữu hợp pháp.

Trả lại 01 điện thoại di động hiệu OPPO F9, số IMEI1: 866376048316414, số IMEI2 86637604831650 cho ông Đậu Văn D là chủ sở hữu hợp pháp.

Trả lại 01 điện thoại di động hiệu VSMART, màu đen, số IMEI1 352705111752422, số IMEI2 352705111752430 cho ông Nguyễn Hồng Plà chủ sở hữu hợp pháp.

Trả lại 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A9Pro, màu vàng, số IMEI1 352212080123651, số IMEI2 352213080123659 cho ông Trần Văn Tâm là chủ sở hữu hợp pháp.

Trả lại 01 điện thoại di động hiệu IPHONE 6, màu bạc cho ông Lê Anh Dũng là chủ sở hữu hợp pháp.

Trả lại 01 mũ lưỡi trai, 01 mũ bảo hiểm, 01 áo thun màu đen, 01 quần jean màu xanh và 01 đôi dép quai ngang màu trắng, đỏ, đen không liên quan đến vụ án cho bị cáo Đặng Ngọc T.

Đối với xe mô tô biển số 47S1-068.24, nhãn hiệu Honda, số loại Wave, màu sơn Đỏ-bạc-đen, quá trình điều tra xác định: Chiếc xe mô tô trên của ông Y Krũ Byă, trú tại buôn E, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đ, mua vào ngày 24/6/2018, để làm phương tiện đi lại. Ngày 30/6/2019, ông Y Krũ Byă đã bán chiếc xe mô tô trên cho bà Phạm T chủ cửa hàng mua bán xe máy cũ "Thành Đạt", địa chỉ 15 Lê Hữu Trác, thị trấn Q, huyện C. Khi bán chưa sang tên, đổi chủ. Ngày 03/01/2021, ông Thành bán chiếc xe mô tô 47S1-068.24 cho ông Hồ Tất H. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cư M'gar đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho ông H là chủ sở hữu hợp pháp là phù hợp.

Đối với xe mô tô biển số 47R3-6440, nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, màu sơn Bạc, quá trình điều tra đã xác định: tháng 01/2011 bà Nguyễn Thị T, trú tại: Thôn 3, xã C, huyện C, mua chiếc xe mô tô trên và đứng tên trong giấy đăng ký xe. Tháng 08/2020, bà Tuấn đổi chiếc xe này cho ông Đậu Văn D, nhưng chưa làm thủ tục sang tên đổi chủ. Xét thấy, đây là tài sản hợp pháp của ông D. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho ông D là chủ sở hữu nhận sử dụng là phù hợp.

Đối với xe mô tô biển số 47K4-1235, nhãn hiệu DAMSAN, màu sơn Nâu, quá trình điều tra đã xác định: Tháng 01/2004 bà Nguyễn Thanh T, trú tại: thôn Phước T, xã E, huyện K, mua chiếc xe mô tô này và đứng tên trong giấy đăng ký xe. Năm 2007, bà Tâm bán chiếc xe mô tô biển số 47K4-1235 cho bà Trần Thị H. Khi bán chưa sang tên đổi chủ. Xét thấy, đây là tài sản hợp pháp của bà H. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bà H là chủ sở hữu nhận sử dụng là phù hợp.

- ***Về phần dân sự:***

Tại phiên tòa ông Hồ Tất H xin rút yêu cầu bồi thường số tiền 3.000.000 đồng và ông Lê Văn T xin rút yêu cầu bồi thường số tiền 1.300.000 đồng. Xét thấy đây là sự tự nguyện của các bị hại, phù hợp với quy định của pháp luật cần chấp nhận.

Bị cáo Đặng Ngọc T còn tiếp tục phải bồi thường cho các bị hại số tiền như sau:

Bồi thường cho ông Phạm Văn H số tiền 3.200.000 đồng ;

Bồi thường cho ông Đậu Văn D số tiền 1.600.000 đồng ;

Bồi thường cho ông Trần Ngọc T số tiền 6.800.000 đồng ;

Bồi thường cho bà Nguyễn Thị Phương T số tiền 10.886.000 đồng;

Bồi thường cho bà Trần Thị Hương T số tiền 1.500.000 đồng.

Tổng cộng **23.986.000** đồng (*Hai mươi ba triệu chín trăm tám mươi sáu ngàn đồng*).

Các bị hại còn lại gồm; bà Trần Thị H, ông Nguyễn Hồng P, ông Lê Anh D, ông Trần Văn T và ông Lê Quang V không yêu cầu Đặng Ngọc T bồi thường về dân sự. Xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự cần chấp nhận. Tuy nhiên cần truy thu sung vào ngân sách nhà nước toàn bộ số tiền 15.300.000 đồng (*Mười*

lăm triệu ba trăm ngàn đồng) mà bị cáo đã thu lợi bất chính của những người bị hại không yêu cầu bồi thường, bao gồm của ông Lê Quang V 11.000.000 đồng; ông Hồ Tất H 3.000.000 đồng và ông Lê Văn T 1.300.000 đồng.

[5] **Về án phí**: Bị cáo T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.119.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với khoản tiền bồi thường theo quy định của pháp luật, cụ thể:

23.986.000 đồng x 5% = 1.199.300 đồng (*lấy 1.199.000 đồng làm tròn*)

**** Vì các lẽ trên:***

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố:

Bị cáo Đặng Ngọc T phạm tội "***Trộm cắp tài sản***".

Áp dụng Áp dụng điểm b, c, g khoản 2 Điều 173, điểm s,r khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Đặng Ngọc T: **03** (Ba) năm **06** (Sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt tạm giam, ngày 12/8/2021.

**** Về xử lý vật chứng*:** Áp dụng khoản 1 Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại 01 điện thoại di động Iphone XsMax, màu vàng, số IMEI 353095101784869 cho bà Nguyễn Thị Phương T là chủ sở hữu hợp pháp.

Trả lại 01 điện thoại di động hiệu OPPO F9, số IMEI1: 866376048316414, số IMEI2 86637604831650 cho ông Đậu Văn D là chủ sở hữu hợp pháp.

Trả lại 01 điện thoại di động hiệu VSMART, màu đen, số IMEI1 352705111752422, số IMEI2 352705111752430 cho ông Nguyễn Hồng P là chủ sở hữu hợp pháp.

Trả lại 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A9Pro, màu vàng, số IMEI1 352212080123651, số IMEI2 352213080123659 cho ông Trần Văn T là chủ sở hữu hợp pháp.

Trả lại 01 điện thoại di động hiệu IPHONE 6, màu bạc cho ông Lê Anh D là chủ sở hữu hợp pháp.

Trả lại 01 mũ lưỡi trai, 01 mũ bảo hiểm, 01 áo thun màu đen, 01 quần jean màu xanh và 01 đôi dép quai ngang màu trắng, đỏ, đen không liên quan đến vụ án cho bị cáo Đặng Ngọc T.

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã trả lại xe mô tô biển số 47S1-068.24, nhãn hiệu Honda, số loại Wave, màu sơn Đỏ-bạc-đen, số máy HC12E5137974, số khung 1215DY137853cho ông Hồ Tất H là chủ sở hữu hợp pháp là phù hợp.

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã trả xe mô tô biển số 47R3-6440, nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, màu sơn Bạc, số máy 5C63427811, số khung RLCS630BY427764 lại cho ông Đậu Văn D là chủ sở hữu nhận sử dụng là phù hợp.

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã trả lại mô tô biển số 47K4-1235, nhãn hiệu DAMSAN, màu sơn Nâu, số máy C150FMG00004208, số khung DCG013HH004208 cho bà Trần Thị H là chủ sở hữu hợp pháp.

(Có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Cư M'gar và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư M'gar)

**** Về trách nhiệm dân sự:*** Áp dụng khoản 2 Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584; 585; 586; 589 Bộ luật dân sự

Buộc bị cáo Đặng Ngọc T phải bồi thường cho ông Phạm Văn H số tiền 3.200.000 đ (*Ba triệu hai trăm ngàn đồng*); bồi thường cho ông Đậu Văn Dsố tiền 1.600.000 đ (*Một triệu sáu trăm ngàn đồng*); bồi thường cho ông Trần Ngọc T số tiền 6.800.000 đ (*Sáu triệu tám trăm ngàn đồng*); bồi thường cho bà Nguyễn Thị Phương T số tiền 10.886.000 đ (*Mười triệu tám trăm tám mươi sáu ngàn đồng*); bồi thường cho bà Trần Thị Hương T số tiền 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm ngàn đồng*). Tổng cộng **23.986.000** đồng (*Hai mươi ba triệu chín trăm tám mươi sáu ngàn đồng*)

Truy thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 15.300.000 đồng (*mười lăm triệu ba trăm ngàn đồng*) thu lợi bất chính mà bị cáo đã chiếm đoạt (*của các bị hại không yêu cầu phải bồi thường*).

**** Về án phí hình sự sơ thẩm:*** Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Đặng Ngọc T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.199.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo và người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại và người liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quang Cảnh

**** Nơi nhận:***
- *VKS tỉnh; TA tỉnh Đ;*
- *Sở Tư pháp Đ;*
- *VKS huyện C;*
- *CA huyện C;*
- *T.H.A dân sự; T.H.A hình sự;*
- *Bị cáo; Người bị hại;*
- *Người liên quan;*
- *Lưu hồ sơ; lưu VP.*
- *Vụ Giám đốc kiểm tra I – TANDTC;*